

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG**  
**PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC VÀ SAU ĐẠI HỌC**



**SỔ TAY**  
**HỌC VIÊN CAO HỌC**

**HẢI DƯƠNG, NĂM 2019**

## MỤC LỤC

<b>1. Khái quát về cơ sở giáo dục .....</b>	<b>1</b>
<b>2. Văn bản tài liệu liên quan đến quá trình học tập, nghiên cứu .....</b>	<b>4</b>
<b>3. Khu vực học tập, nghiên cứu .....</b>	<b>4</b>
<b>4. Cơ sở vật chất và tài nguyên thư viện.....</b>	<b>5</b>
<b>5. Quản lý hỗ trợ học viên .....</b>	<b>5</b>
<b>6. Nhiệm vụ của học viên .....</b>	<b>6</b>
<b>7. Chương trình đào tạo của Trường Đại học Hải Dương.....</b>	<b>6</b>
<b>8. Quy định về đánh giá kết quả học tập của học viên .....</b>	<b>9</b>
<b>9. Kế hoạch học tập toàn khóa .....</b>	<b>10</b>

## NỘI DUNG

### 1. Khái quát về cơ sở giáo dục

#### 1.1. Lịch sử hình thành và phát triển, tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi

Trường Đại học Hải Dương là Trường công lập trực thuộc UBND tỉnh Hải Dương, được thành lập theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26 tháng 07 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp từ Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương và được đổi tên theo Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Với truyền thống lịch sử từ ngày 17/01/1960, Trường đã trải qua gần 60 năm xây dựng và trưởng thành trên cơ sở sáp nhập và hợp nhất các cơ sở đào tạo thuộc các ngành: Tài chính, Kế hoạch, Thương nghiệp, Lao động và Lương thực. Nhà trường có uy tín và thế mạnh đào tạo chuyên nghiệp và dạy nghề theo các bậc: sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và đại học theo các khối ngành kinh tế-kỹ thuật-chính trị-xã hội. Trong quá trình xây dựng, phát triển, Trường ĐHHĐ đã đóng góp một nguồn nhân lực to lớn cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế của đất nước, đặc biệt là cho khu vực Đồng bằng Sông Hồng. Trường đã nhận được nhiều phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước cho những đóng góp to lớn trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao (Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba). Nhiều đơn vị và cá nhân trực thuộc Trường đã được Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội ghi nhận và tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý.

Trường ĐHHĐ là một trường công lập, đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao về khoa học, công nghệ, kinh tế và chính trị - xã hội; là trung tâm NCKH - CGCN phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

**Sứ mạng:** “Trường ĐHHĐ là trung tâm đào tạo, NCKH, CGCN, hoạt động dịch vụ của tỉnh Hải Dương, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, sản phẩm khoa học, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của tỉnh Hải Dương và cả nước. Phát huy vai trò là trường ĐH ứng dụng, hoạt động đào tạo NCKH, dịch vụ, luôn gắn với nhu cầu của xã hội, cơ quan, doanh nghiệp và người học. Phát huy phẩm chất, năng lực người học vì sự phát triển bền vững của tỉnh Hải Dương và đất nước”

**Tầm nhìn:** “Trường ĐHHĐ trở thành ĐH ứng dụng, đa ngành, đa lĩnh vực, thuộc nhóm trường ĐH công lập trực thuộc tỉnh hàng đầu của Miền Bắc vào năm 2025. Kết nối với các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp trong và ngoài nước để trở thành trường ĐH tự chủ và trách nhiệm xã hội, phục vụ cộng đồng có uy tín trong nước và tiếp cận khu vực vào năm 2030”

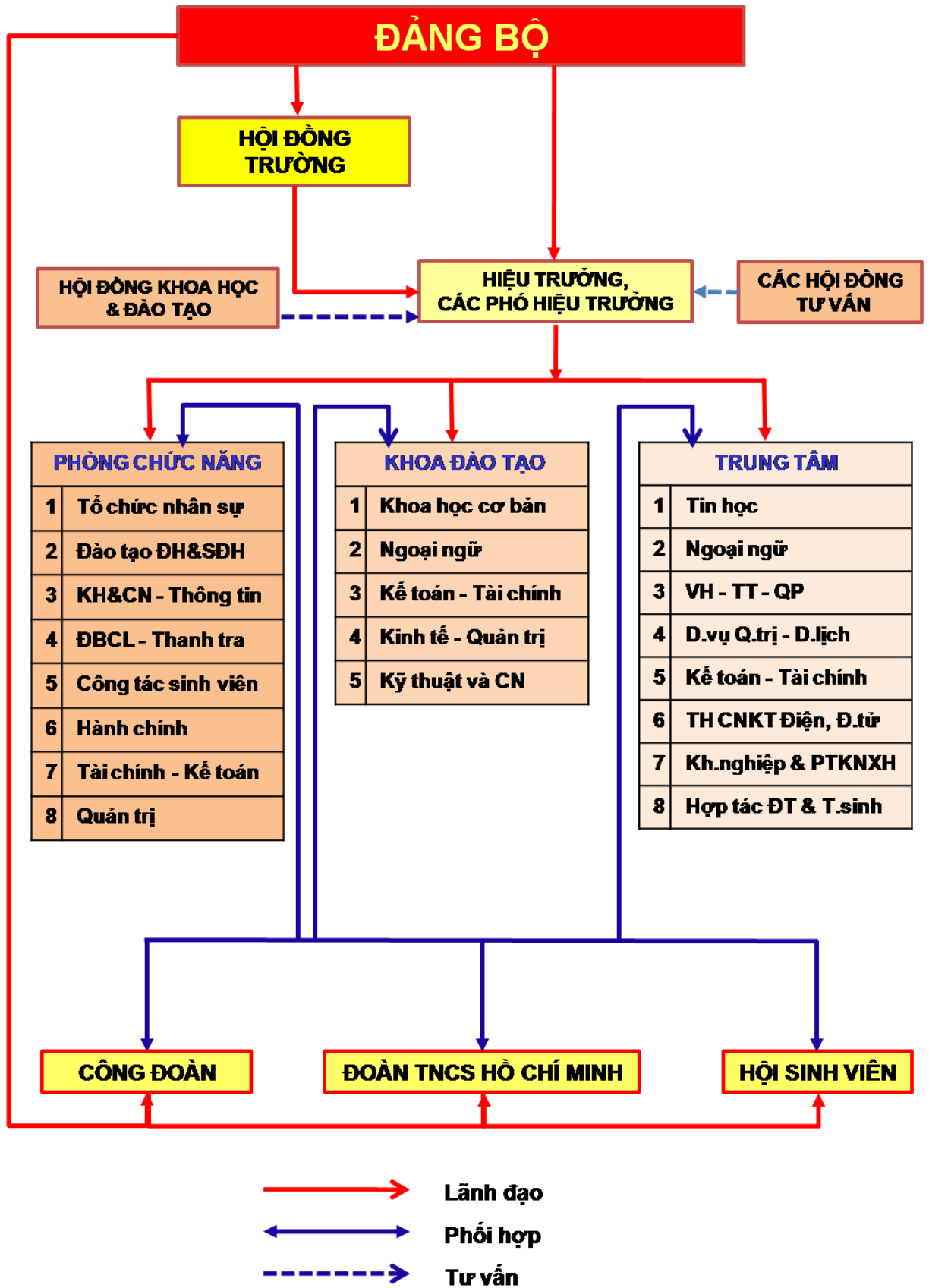
**Giá trị cốt lõi:** “**Môi trường sáng tạo - Tập thể đoàn kết - Liêm chính, minh bạch - Chất lượng, hiệu quả - Trách nhiệm cộng đồng**”.

Triết lý giáo dục: "Học để làm được việc". Giáo dục, đào tạo đại học là nơi con người tự do sáng tạo để phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng, thái độ cần thiết để đảm bảo cho cuộc sống, làm việc của cá nhân, gia đình và sự phát triển của xã hội trong hiện tại và tương lai. Trường ĐHHĐ là trường đại học theo định hướng ứng dụng để sinh viên ra trường có việc làm và làm được việc. Do vậy, triết lý "học để làm được việc" là sợi chỉ đỏ xuyên suốt các hoạt động của Nhà trường.

Trường Đại học Hải Dương hiện nay có 05 khoa đào tạo; 08 trung tâm đào tạo, thực hành, chuyển giao công nghệ và cung ứng dịch vụ; 08 phòng chức năng. Trường đang thực hiện 26 chương trình đào tạo.

Quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước ngày càng được mở rộng. Trường đã ký hợp tác với nhiều đơn vị, doanh nghiệp: Khoa Luật - ĐHQG Hà Nội, Công ty cổ phần kinh doanh Kiyokawa, Công ty TNHH Việt Nam Toyo Denso, Trường Đại học Kookji (Hàn Quốc)... Đặc biệt, Trường đã hợp tác toàn diện với Tập đoàn An phát Holdings. Quan hệ hợp tác được đẩy mạnh giúp Trường có điều kiện đáp ứng yêu cầu đào tạo ngày càng cao.

## 1.2. Cơ cấu tổ chức



## **2. Văn bản tài liệu liên quan đến quá trình học tập, nghiên cứu**

Trong quá trình tham gia chương trình đào tạo thạc sĩ tại trường Đại học Hải Dương, Học viên (HV) cần tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Nhà trường trong hoạt động học tập và nghiên cứu.

Các tài liệu được công bố trên website Nhà trường gồm một số văn bản chính, bao gồm:

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Quyết định số: 396/QĐ- ĐHHD ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ thạc sĩ.

- Quyết định số: 500/QĐ-ĐHHD, ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

- Quyết định số: 100/QĐ-ĐHHD ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương về việc ban hành Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ.

- Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ.

## **3. Khu vực học tập, nghiên cứu**

HV được bố trí khu vực tự học tập theo lớp tại tòa nhà A1, A2 khu đào tạo Sau đại học trường ĐH Hải Dương, trên đường Trần Ích Phát, khu 8, phường Lê Thanh

Nghị, TP Hải Dương. Để thuận tiện cho việc bố trí, sắp xếp khu vực học tập, nghiên cứu HV vui lòng gửi thông tin đề xuất đến phòng Đào tạo ĐH&SDH để được hỗ trợ, tại khu làm việc phòng A1.101, tầng 1 - Nhà A1, có một phòng seminar (A1.301) mở cửa toàn bộ vào giờ hành chính, tất cả các ngày làm việc trong tuần, HV có thể đăng ký sử dụng làm nơi trao đổi với các HV khác, giảng viên, chuyên gia, người hướng dẫn khoa học (NHDKH),...

*Các yêu cầu khi sử dụng các khu vực học tập, nghiên cứu:*

- Không được tự ý di chuyển các thiết bị, đồ đạc trong khu vực học tập, nghiên cứu mà khi chưa có sự đồng ý của bộ phận quản lý tài sản;
- Không được phép sử dụng khu vực học tập, nghiên cứu để ăn, hút thuốc;
- Tự bảo quản tài sản cá nhân; nếu xảy ra mất mát Nhà trường sẽ không có trách nhiệm bồi thường;
- Giữ khu vực học tập, nghiên cứu sạch sẽ, ngăn nắp, gọn gàng;
- Tôn trọng quyền riêng tư của người khác khi sử dụng chung khu vực học tập, nghiên cứu; để tránh làm phiền người khác không mang theo bạn bè/người thân/vật nuôi khác, hạn chế tối đa việc sử dụng điện thoại cho các cuộc gọi;...
- Sử dụng khu vực học tập, nghiên cứu ngoài giờ hành chính cần có sự đồng ý của bộ phận quản lý tài sản.

#### **4. Cơ sở vật chất và tài nguyên thư viện**

Nhà trường có các thư viện tại 02 cơ sở đào tạo. Tài nguyên thư viện bao gồm tài nguyên số, tài liệu bản cứng. Để có thông tin chung về hệ thống thư viện, thuận tiện cho việc tìm kiếm, tra cứu các tài liệu. HV có thể liên lạc với các cán bộ, nhân viên thư viện viên hỗ trợ theo số điện thoại sau: 0949927268 (Phạm Thị Thêu) hoặc có thể truy cập thư viện số theo đường link <https://thuvienso.uhd.edu.vn/home/vi/>

#### **5. Quản lý hỗ trợ học viên**

Nhà trường giám sát quá trình học tập, nghiên cứu của HV trong giai đoạn đào tạo thạc sĩ. Các hoạt động học tập, nghiên cứu được thực hiện theo hình thức tập trung liên tục tại Nhà trường. Phòng Đào tạo ĐH&SDH là đơn vị đầu mối hỗ trợ HV, HV nếu có bất kể khó khăn nào liên quan đến học tập, nghiên cứu có thể liên lạc với chuyên viên quản lý lớp học của Đào tạo ĐH và SDH trực tiếp hoặc qua hệ thống email: [uhdphongdaotaoqltt@gmail.com](mailto:uhdphongdaotaoqltt@gmail.com)

Khoa chuyên môn là đơn vị hỗ trợ HV trong hoạt động học tập, nghiên cứu chuyên môn. HV có thể liên hệ với Trưởng khoa, GV bộ môn, GVCN để được hỗ trợ các vấn đề cụ thể phát sinh trong quá trình học.

## Thông tin Giảng viên, Chuyên viên quản lý ngành học, lớp học

TT	Họ và tên	SĐT	Chức vụ
1	TS. Tăng Thế Toan	0913256359	Trưởng phòng ĐT&SDH
2	ThS. Lê Thị Sinh	0986567096	Phó trưởng phòng Đào tạo ĐH&SDH
3	TS. Nguyễn Thị Đào	0985202991	Trưởng khoa Kế toán - Tài chính
4	TS. Lê Thị Nguyệt	0969377298	Trưởng khoa Kinh tế - Quản trị
5	ThS. Nguyễn Thị Thương	0974770232	GVCN, Giáo vụ SDH

**6. Nhiệm vụ của Học viên**

Quá trình học tham gia chương trình đào tạo thạc sĩ tại trường Đại học Hải Dương, học viên có nhiệm vụ sau:

- Chủ động lập kế hoạch và bám sát tiến độ học tập, nghiên cứu: HV phải chủ động tham gia vào việc lập kế hoạch, tiến độ học tập và hoàn thành việc học tập, nghiên cứu của mình; HV phải chủ động liên lạc với Quản lý lớp học, Trưởng chương trình, Giảng viên bộ môn để được hỗ trợ kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình tham gia Chương trình đào tạo.

- Tham gia đào tạo, nghiên cứu: HV phải tham gia đầy đủ các học phần thuộc chương trình đào tạo, bao gồm cả học phần bổ sung (nếu có) và các hoạt động khác được thiết kế cho HV.

- Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khoá học không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với mỗi hình thức đào tạo.

**7. Chương trình đào tạo của Trường Đại học Hải Dương**

Tổng thời lượng đào tạo 60 tín chỉ, số học phần tích lũy 20 học phần, thời gian của khoá học là 2 năm. Người học tốt nghiệp chương trình cử nhân, kỹ sư ngành phù hợp, ngành gần học tiếp lên chương trình thạc sĩ phải hoàn thiện các học phần bổ sung kiến thức theo Thông báo tuyển sinh, đào tạo thạc sĩ hàng năm.

Hiện tại, Nhà trường đào tạo 2 chương trình trình độ Thạc sĩ theo định hướng ứng dụng: Kế toán, mã ngành đào tạo 8340301; Quản lý kinh tế, mã ngành đào tạo 8310110



**7.1. Chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán theo định hướng ứng dụng, mã ngành đào tạo 8340301**

	Mã học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)			Ghi chú
	Phân chữ	Phân số		Tổng số	LT	TH	
<b>I</b>			<b>Khối kiến thức chung:</b>	<b>8</b>	<b>5</b>	<b>3</b>	
1	KTTH	501	Triết học	4	3	1	
2	KTTA	502	Tiếng Anh	4	2	2	
<b>II</b>			<b>Khối kiến thức cơ sở</b>	<b>12</b>	<b>7</b>	<b>5</b>	
<b>II.1</b>			<b>Các môn học bắt buộc:</b>	<b>8</b>	<b>5</b>	<b>3</b>	
1	KTVM	503	Kinh tế vi mô	3	2	1	
2	KTVIM	504	Kinh tế vĩ mô	3	2	1	
3	KTPP	505	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1	
<b>II.2</b>			<b>Các môn học tự chọn: 2/5 môn học</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
1	KTLK	506	Luật kinh tế	2	1	1	
2	KTTK	507	Thống kê ứng dụng trong kinh tế	2	1	1	
3	KTTT	508	Tài chính - Tiền tệ	2	1	1	
4	KTQH	509	Quản trị học	2	1	1	
5	KTVN	510	Chuyên đề Kinh tế Việt Nam	2	1	1	
<b>III</b>			<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>	<b>40</b>	<b>18</b>	<b>12</b>	
<b>III.1</b>			<b>Các môn học bắt buộc:</b>	<b>16</b>	<b>11</b>	<b>5</b>	
1	KTTC	511	Kế toán tài chính nâng cao	4	3	1	
2	KTQT	512	Kế toán quản trị nâng cao	3	2	1	
3	KTKT	513	Kiểm toán nâng cao	3	2	1	
4	KTPD	514	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
5	KTHT	515	Hệ thống thông tin kế toán	3	2	1	
<b>III.2</b>			<b>Các môn học tự chọn: 7/12 môn học</b>	<b>14</b>	<b>7</b>	<b>7</b>	
1	KTKS	516	Kiểm soát nội bộ	2	1	1	
2	KTTG	517	Kế toán quốc tế	2	1	1	
3	KTKC	518	Kế toán công	2	1	1	
4	KTCL	519	Quản trị chiến lược	2	1	1	
5	KTKL	520	Kinh tế lượng	2	1	1	
6	KTNC	521	Nghiên cứu định lượng trong kinh doanh	2	1	1	
7	KTCC	522	Chuyên đề kế toán tài chính	2	1	1	
8	KTCQ	523	Chuyên đề kế toán quản trị	2	1	1	
9	KTQC	524	Quản trị tài chính	2	1	1	
10	KTKD	525	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	1	1	
11	KTTH	526	Thuế	2	1	1	
12	KTCP	527	Tài chính công	2	1	1	
<b>III.3</b>	<b>KTLV</b>	<b>528</b>	<b>Luận văn</b>	<b>10</b>		<b>10</b>	

**7.2. Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế toán theo định hướng ứng dụng, mã ngành đào tạo 8310110**

Số TT	Mã học phần		Tên học phần	Khối lượng (Tín chỉ)		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung:</b>			<b>6</b>		
1	QLTH	501	Triết học	4		
2	QLPPNC	549	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	2		
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở:</b>			<b>14</b>		
<b>II.1</b>	<b>Các môn học bắt buộc:</b>			<b>6</b>		
1	QLKTHN	575	Kinh tế học nâng cao	3		
2	QLKHQL	550	Khoa học quản lý	3		
<b>II.2</b>	<b>Các môn học tự chọn: 4 trong 10</b>			<b>8</b>		
1	QLTA	502	Tiếng Anh	2		
2	QLKTNL	519	Kinh tế nguồn lực tài chính	2		
3	KTTT	559	Kinh tế học công cộng	2		
4	KTQH	514	Kinh tế quốc tế	2		
5	QLKTPT	515	Kinh tế phát triển	2		
6	QLKTĐT	563	Kinh tế đầu tư	2		
7	QLKTL	520	Kinh tế lượng ứng dụng	2		
8	QLTCTT	521	Tài chính- tiền tệ	2		
9	QLLKT	517	Luật kinh tế	2		
10	QLQTH	516	Quản trị học	2		
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>			<b>29</b>		
<b>III.1</b>	<b>Các môn học bắt buộc:</b>			<b>15</b>		
1	QLQLNN	564	Quản lý nhà nước về kinh tế	3		
2	QLDAĐT	561	Quản lý dự án đầu tư	3		
3	QLQTDN	560	Quản trị doanh nghiệp	3		
4	QLQLTC	525	Quản lý tài chính công	3		
5	QLPTKTTC	562	Phân tích Kinh tế - Tài chính	3		
<b>III.2</b>	<b>Các môn học tự chọn: 7 trong 10</b>			<b>14</b>		
1	QLTCTT	565	Quản lý nhà nước về Tài chính - Tiền tệ	2		
2	QLT	530	Quản lý thuế	2		
3	QLTSC	573	Quản lý tài sản công	2		
4	QLNNL	566	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực	2		
5	QLASXH	567	Quản lý an sinh xã hội và xóa đói giảm nghèo	2		
6	QLNNNT	568	Quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn	2		
7	QLNLMT	569	Quản lý năng lượng và môi trường	2		
8	QLKHCCN	570	Quản lý khoa học và công nghệ	2		
9	QLTMQT	571	Quản lý thương mại quốc tế	2		
10	QLTLH	574	Tâm lý học lãnh đạo quản lý	2		
<b>III.3</b>	QLLV	528	Luận văn thạc sĩ	<b>11</b>		
<b>Tổng cộng</b>				<b>60</b>		

## **8. Quy định về đánh giá kết quả học tập của học viên**

### *8.1. Thi, kiểm tra đánh giá học phần*

Các học phần trong chương trình đào tạo được quy định trong các Quyết định số: 396/QĐ- ĐHHD ngày 01/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ thạc sĩ, 500/QĐ-ĐHHD, ngày 09/11/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế.

Cách thức đánh giá các học phần được quy định tại điều 23 trong Quyết định số 100/QĐ-ĐHHD-SĐH ngày 19/01/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương.

Việc đánh giá học phần phải đảm bảo tính khách quan, chính xác, công bằng; Đề thi, kiểm tra hải phù hợp với nội dung; Đúng hình thức và phương pháp đánh giá đã được quy định trong đề cương chi tiết học phần; Kết hợp kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập với thi kết thúc học phần; Kết hợp một số hình thức đánh giá khác phù hợp với yêu cầu của học phần;

Điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng của điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng. Học phần đạt yêu cầu khi có điểm từ 4,0 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn)

Học viên không được thi kết thúc học phần nếu vi phạm một trong các điều kiện sau: Không tham dự học trên lớp từ 25% thời lượng của học phần trở lên; Không có điểm kiểm tra thường xuyên; Vi phạm quy định đối với học viên của Trường Đại học Hải Dương.

Tổ chức đánh giá học phần, số lần kiểm tra, điều kiện thi kết thúc học phần, trọng số điểm kiểm tra và điểm thi sử dụng thang điểm 10 và/hoặc thang điểm chữ 5 bậc A, B, C, D, F (tương đương với 5 loại: giỏi, khá, trung bình, trung bình yếu và kém).

### *8.2. Luận văn tốt nghiệp*

Theo điều 25, Quyết định số 100/QĐ-ĐHHD-SĐH ngày 19/01/2018 quy định về điều kiện bảo vệ luận văn. Học viên được bảo vệ luận văn khi có đủ các điều kiện bao gồm: Hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ); Đạt trình độ Ngôn ngữ Anh theo quy định; Có đơn xin bảo vệ luận văn; Hoàn thành nghĩa vụ theo quy định của Nhà trường;....

Theo điều 27, Quyết định số 100/QĐ-ĐHHD-SĐH ngày 19/01/2018 quy định về đánh giá luận văn. Luận văn được đánh giá công khai tại phiên họp của hội đồng. Hội đồng tập trung chủ yếu đánh giá việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận văn. Điểm chấm luận văn của từng thành viên hội đồng theo thang điểm 10, có thể lẻ đến một chữ số thập phân, điểm nội dung luận văn tối đa 9 điểm, điểm

thành tích nghiên cứu tối đa 1 điểm cho những luận văn mà học viên đã có bài báo khoa học liên quan công bố trên danh mục tạp chí khoa học chuyên ngành do Hiệu trưởng quy định. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên có mặt trong buổi đánh giá luận văn. Luận văn đạt yêu cầu khi điểm trung bình của hội đồng chấm từ 5,5 trở lên.

## 9. Kế hoạch học tập toàn khóa

### 9.1. Ngành Kế toán

STT	Tên học phần	Tín chỉ	Học kỳ	Dự kiến thời gian học trên lớp	
1	Triết học	4	1	Đợt 1 (11/2019 đến tháng 5/2020) Đợt 2 (01/2020 đến tháng 7/2020)	
2	Tiếng Anh	4	1		
3	Kinh tế học vi mô	3	1		
4	Kinh tế học vĩ mô	3	1		
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1		
Các môn học tự chọn: 2/5 môn học					
6	Học phần tự chọn 1	2	1	Đợt 1 (6/2020 đến tháng 11/2020) Đợt 2 (8/2020 đến tháng 01/2021)	
7	Học phần tự chọn 2	2	2		
Các môn học phần bắt buộc					
8	Kế toán tài chính nâng cao	4	2		
9	Kế toán quản trị nâng cao	3	2		
10	Kiểm toán nâng cao	3	2	Đợt 1 (6/2020 đến tháng 11/2020) Đợt 2 (8/2020 đến tháng 01/2021)	
11	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2		
12	Hệ thống thông tin kế toán	3	2		
Các môn học tự chọn: 7/12 môn học					
13	Học phần tự chọn 1	2	3	Đợt 1 (12/2020 đến tháng 4/2021) Đợt 2 (02/2021 đến tháng 6/2021)	
14	Học phần tự chọn 2	2	3		
15	Học phần tự chọn 3	2	3		
16	Học phần tự chọn 4	2	3		
17	Học phần tự chọn 5	2	3		
18	Học phần tự chọn 6	2	3		
19	Học phần tự chọn 7	2	3		
20	Luận văn thạc sĩ	10	4	Đợt 1 (5/2021 đến tháng 10/2021) Đợt 2 (7/2021 đến tháng 12/2021)	

### 9.2. Ngành Quản lý kinh tế

STT	Tên học phần	Tín chỉ	Học kỳ	Dự kiến thời gian học trên lớp
1	Triết học	4	1	Đợt 1 (11/2019 đến tháng 5/2020) Đợt 2 (01/2020 đến tháng 7/2020)
2	Phương pháp NCKH kinh tế	2	1	
3	Kinh tế học nâng cao	3	1	
4	Khoa học quản lý	3	1	
<b>Các môn học tự chọn: 4 trong 10</b>				
5	Học phần tự chọn 1	2	1	
6	Học phần tự chọn 2	2	1	
7	Học phần tự chọn 3	2	1	
8	Học phần tự chọn 4	2	2	Đợt 1 (6/2020 đến tháng 11/2020) Đợt 2 (8/2020 đến tháng 01/2021)
<b>Các môn học phần bắt buộc</b>				
9	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	2	
10	Quản lý dự án đầu tư	3	2	
11	Quản trị doanh nghiệp	3	2	
12	Quản lý tài chính công	3	2	
13	Phân tích Kinh tế - Tài chính	3	2	
<b>Các môn học tự chọn: 7 trong 10</b>				
14	Học phần tự chọn 1	2	3	Đợt 1 (12/2020 đến tháng 4/2021) Đợt 2 (02/2021 đến tháng 6/2021)
15	Học phần tự chọn 2	2	3	
16	Học phần tự chọn 3	2	3	
17	Học phần tự chọn 4	2	3	
18	Học phần tự chọn 5	2	3	
19	Học phần tự chọn 6	2	3	
20	Học phần tự chọn 7	2	3	
21	Luận văn thạc sĩ	11	4	Đợt 1 (5/2021 đến tháng 10/2021) Đợt 2 (7/2021 đến tháng 12/2021)